

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 520/2026/DS-PT
Ngày: 29-9-2026
V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu và bà Phạm Thị Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Phan Yên Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Nguyễn Mỹ Duyên
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2026/TLPT-DS, ngày 12 tháng 8 năm 2026, về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Do, Bản án dân sự sơ thẩm số: 151/2026/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 456/2026/QĐXXPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Võ Tân P, sinh năm 1966 (Có mặt)

1.2. Bà Lê Thị Như M, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ I, ấp B, xã B, tỉnh An Giang

+ *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* ông Phạm Thái B, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ D, Đường số D, ấp H, xã A, tỉnh An Giang đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 25/11/2024 (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

2.2. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã B, tỉnh An Giang

+ *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* ông Nguyễn Tiến S, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp B, xã B, tỉnh An Giang đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 25/11/2024 (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Tiến S, sinh năm 1994 (Có mặt)

3.2. Bà Phan Trần Hồng Q, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

3.3. Em Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 2009 (Vắng mặt)

3.4. Em Nguyễn Hoàng Nhựt M1, sinh năm 2025 (Vắng mặt)

Địa chỉ hiện nay: Tổ A, ấp B, xã B, tỉnh An Giang

Em Nguyễn Thị Tường V và em Nguyễn Hoàng Nhựt M1 chưa thành niên nên việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng sẽ do người đại diện theo pháp luật (cha mẹ) thực hiện.

4. Người kháng cáo: Ông Võ Tân P là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

* *Nguyên đơn ông Võ Tân P, bà Lê Thị Như M, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Thái B có ý kiến trình bày:* Nguồn gốc diện tích đất ông P, bà M sử dụng do nhận chuyển nhượng từ người khác, sau khi nhận chuyển nhượng ông P và bà M chuyển nhượng một phần cho ông C, bà T vào năm 2000. Năm 2019 ông P, bà M được sở TN-MT tỉnh A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 276,9m², thửa số 258, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang). Do chưa có nhu cầu sử dụng nên ông bà để đất trống và thường xuyên tới lui coi đất. Vào năm 2023 ông P và bà M phát hiện hộ giáp ranh là ông C và bà T xây dựng nhà kiên cố lấn qua phần diện tích của ông P, bà M khoảng ngang 0,2m dài 25,4m tương đương 5,08m². Ông P, bà M có đề nghị ông C, bà T mua lại toàn bộ diện tích đất 276,9m² với giá 10.000.000 đồng/m² tuy nhiên ông C, bà T không đồng ý nên ông P, bà M khởi kiện yêu cầu ông C, bà T tháo dỡ công trình trên đất trả lại diện tích đất lấn chiếm khoảng 5,08m².

Qua kết quả đo đạc của Văn phòng Đ chi nhánh khu vực liên xã A ông P, bà M xác định gia đình ông Nguyễn Văn C sử dụng lấn chiếm qua đất của ông diện tích 3,5m². Ông P, bà M yêu cầu các thành viên trong gia đình ông Nguyễn Văn C đang sống trên đất gồm ông C, bà T, ông S, bà Q, cháu V và cháu M1 tháo dỡ công trình kiến trúc trên đất trả lại diện tích đất lấn chiếm là 3,5m² theo các điểm 45, 44, 46, 1 bản đồ hiện trạng ngày 13/01/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh khu vực liên xã A.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Tiến S có ý kiến trình bày:* Vào năm 2000 cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị

Kim T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông P, bà M, khi chuyển nhượng thì ông P có chỉ mốc ranh đất và giao đất, do tin tưởng nên cha mẹ ông không đo đạc lại. Đến ngày 15/9/2020 ông C, bà T được sở TN-MT tỉnh A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07439 diện tích 202,2m², thửa số 222, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Vài tháng sau thì cha mẹ ông xây dựng nhà kiên cố trên đất, tuy nhiên đến năm 2023 thì ông P bà M cho rằng cha mẹ ông xây dựng lấn qua đất ông P bà M khoảng 4-5m².

Qua kết quả đo đạc lần đầu xác định gia đình ông không lấn qua đất ông P, bà M, tuy nhiên kết quả đo đạc lần 2 xác định căn nhà của gia đình ông lấn qua đất ông P, bà M diện tích khoảng 3m², ông chấp nhận kết quả đo đạc và gửi lời xin lỗi đến ông P, bà M. Việc gia đình ông xây dựng lấn qua đất ông P và bà M thì gia đình ông hoàn toàn không mong muốn và xin đề nghị khắc phục bằng cách hoàn trả giá trị đất là 15.000.000 đồng/m² vì nhà của ông đã xây dựng kiên cố nên việc tháo dỡ sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết cấu ngôi nhà.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 151/2026/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang, đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tân P và bà Lê Thị Như M.

- Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim T bồi hoàn giá trị đất cho ông Võ Tân P và bà Lê Thị Như M số tiền 52.500.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim T được quyền sử dụng diện tích 3,5m² tọa lạc tại xã B, tỉnh An Giang theo các điểm 45, 44, 46, 1 thể hiện trong Bản đồ hiện trạng ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh khu vực liên xã A nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08066 ngày 10/7/2019, thửa số 258, tờ bản đồ số 17, diện tích 276,9m² đứng tên ông Võ Tân P, bà Lê Thị Như M.

Ông Võ Tân P, bà Lê Thị Như M, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim T được liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phần diện tích đất 1,58m² mà nguyên đơn đã rút.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 17/6/2026, ông Võ Tân P kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 151/2026/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn tháo dỡ công trình để trả lại diện tích 3,5m² đất cho ông.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Phạm Thái B là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Tân P giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc ông C, bà T tháo dỡ vật kiến trúc trả lại diện tích đất 3,5 m² đã lấn chiếm của gia đình ông P, việc xây dựng lấn qua ranh đất và trên bản vẽ hiện trạng nhà ông C xây dựng lấn chiếm các hộ xung quanh, ở đây cho thấy việc lấn chiếm là cố ý của gia đình ông C. Trong trường hợp ổn định đất cho bị đơn thì bị đơn phải có trách nhiệm hoàn giá trị bồi thường thiệt hại bằng số tiền là 200.000.000 đồng. Từ khi phát sinh tranh chấp ông P không thực hiện được quyền của người sử dụng đất không chuyển nhượng, không thế chấp tại ngân hàng để vay vốn gây thiệt hại rất lớn cho ông P.

+ Ông Võ Tân P có ý kiến trường hợp gia đình ông C đã xây dựng lấn chiếm đất của gia đình ông thì ông C, bà T phải có sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho thỏa đáng, đề nghị phía ông C, bà T bồi thường thiệt hại cho ông nếu đề nghị hoàn giá trị là 200.000.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Tiến S là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Võ Tân P đề nghị xem xét giữ nguyên đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 151/2026/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang, gia đình ông không có xây dựng lấn chiếm đất của các hộ xung quanh vì giữa các nhà đều có ranh đất và xây tường nhà hết.

+ Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Trần Hồng Q vắng mặt không tham dự phiên tòa.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo

của ông Võ Tân P, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 151/2026/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang về án phí dân sự sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí số tiền 2.625.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Võ Tân P làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí là người cao tuổi theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên được Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Trần Hồng Q đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Q.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Võ Tân P, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Ông Võ Tân P, bà Lê Thị Như M được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08066 ngày 10/7/2019, thửa số 258, tờ bản đồ số 17, diện tích 276,9m² loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại xã B, tỉnh An Giang

[2.2] Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Kim T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07439 ngày 15/9/2020, thửa số 222, tờ bản đồ số 17, diện tích 202,2m², loại đất ở nông thôn tọa lạc tại xã B, tỉnh An Giang

[2.3] Giữa các đương sự đều có ý kiến thống nhất diện tích đất ông C, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng nhà có nguồn gốc từ ông P, bà M chuyển nhượng lại cho ông C và bà T. Tại phiên tòa, ông P thừa nhận đối với các mốc ranh đất đều được ông P hướng dẫn khi gia đình ông C, bà T chuẩn bị khởi công xây dựng nhà. Gia đình ông C, bà T xây dựng thì ông P không phát hiện việc xây dựng lấn ranh, ông P trình bày ông chỉ biết đất bị lấn chiếm do cột mốc ranh đất không còn.

[2.4] Qua kết quả đo đạc thực tế thì căn nhà của ông C, bà T xây dựng chồng lấn vào phần đất ông P, bà M diện tích 3,5m² theo các điểm 45, 44, 46, 1 thể hiện trong Bản đồ hiện trạng ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh khu vực liên xã A.

[3] Các đương sự thống nhất với kết quả đo đạc của bản đồ hiện trạng ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh khu vực liên xã A. Hội đồng xét xử xác định diện tích đất giữa các đương sự đang tranh chấp chỉ có diện tích là 3,5m² chiều ngang các cạnh rất nhỏ. Hiện nay, trên

vị trí đất tranh chấp đã hiện hữu căn nhà của ông C, bà T có kết cấu gồm hai phần: phần nhà chính có kết cấu nhà một trệt, một lầu khung cột bê tông cốt thép, vách xây gạch, mái tole, trần bê tông, sàn lót gạch ceramic. Gắn liền với nhà chính là phần nhà tiền chế có kết cấu cột bê tông cốt thép tách rời nhà chính, vách gạch, mái tole, trần la phong nhựa, cửa kính, nền lót gạch ceramic và phần mái che có kết cấu khung cột sắt, mái tole, không cột

[3.1] Việc kê khai cấp giấy và tại thời điểm xây dựng nhà của ông C, bà T cũng được nguyên đơn là ông P hướng dẫn chỉ mốc ranh trực tiếp. Ông P trình bày việc bị đơn xây dựng nhà lấn chiếm diện tích đất 3,5 m² làm mất đi diện tích và làm giảm giá trị đất, ông P do tranh chấp kéo dài ông không thể thực hiện quyền của người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gây cho ông P thiệt hại rất lớn.

[3.2] Đối với nội dung yêu cầu của ông P, bà M khởi kiện yêu cầu tháo dỡ, còn không phía bị đơn phải mua hết lại diện tích đất của ông bà vì diện tích lấn chiếm nằm cạnh giữa khu đất nếu nhận giá trị thì đất của ông bà bị mất giá trị. Nhận thấy, cạnh chiều ngang và cạnh dài đất bị chồng lấn ranh của ông P, bà M rất nhỏ, ông P yêu cầu phía bị đơn tháo dỡ vật kiến trúc trên đất trả lại diện tích đất lấn chiếm còn trường hợp ổn định thì hoàn lại giá trị cho ông P số tiền thiệt hại là 200.000.000 đồng.

[3.3] Ông P tại phiên tòa cũng xác định khi bị đơn xây dựng nhà chính ông P là người chỉ mốc ranh nên việc cho rằng bị đơn cố ý lấn chiếm xây dựng là chưa phù hợp, bị đơn có lỗi khi không đo đạc xác định lại mốc ranh chỉ làm theo hướng dẫn mốc ranh của ông P dẫn đến việc lấn ranh diện tích 3,5m². Hiện trạng trên đất tranh chấp tồn tại căn nhà có kết cấu một trệt, một lầu xây dựng kiên cố việc buộc tháo dỡ sẽ làm ảnh hưởng đến cấu trúc của cả căn nhà. Các đương sự không có yêu cầu định giá đất, ông P trình bày giá đất khoảng 8.000.000đồng/m² đến 12.000.000 đồng/m², còn phía đại diện của bị đơn ông S trình bày gia đình ông xây dựng không cố ý lấn chiếm qua đất của ông P, bà M nên gia đình ông C, bà T đồng ý hoàn lại giá trị đất là 15.000.000 đồng/m² giá trị hoàn lại cao hơn giá đất do phía nguyên đơn đưa ra là phù hợp.

[4] Ông P trình bày ông có thiệt hại, bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 200.000.000 đồng nhưng ông P không có cung cấp chứng cứ chứng minh thiệt hại cũng như giá trị của 3,5m² đất là 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cấp sơ thẩm đánh giá đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để buộc bị đơn hoàn lại giá trị của diện tích đất 3,5 m² là 52.500.000 đồng và cho các bên thực hiện điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có cơ sở.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là phù hợp theo quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P. Tuy nhiên, đối với phần án phí dân sự sơ thẩm thì tại bản án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc tính án phí buộc bị đơn có hoàn lại giá trị bằng tiền cho nguyên đơn nhưng tính án phí dân sự sơ thẩm

không có giá ngạch là chưa phù hợp nên điều chỉnh lại về phần án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật

[6] Về án phí phúc thẩm: Do, yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông P phải nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định nhưng ông P là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số , ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Tân Phong

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 151/2026/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang về phần án phí

Căn cứ vào: khoản 9 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 104, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 166, Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 236 Luật đất đai 2024; Khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tân P và bà Lê Thị Như M.

- Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim T bồi hoàn giá trị đất cho ông Võ Tân P và bà Lê Thị Như M số tiền 52.500.000 đồng (năm mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng). Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim T được quyền sử dụng diện tích 3,5m² tọa lạc tại xã B, tỉnh An Giang theo các điểm 45, 44, 46, 1 thể hiện trong Bản đồ hiện trạng ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh khu vực liên xã A nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08066 ngày 10/7/2019, thửa số 258, tờ bản đồ số 17, diện tích 276,9m² đứng tên ông Võ Tân P, bà Lê Thị Như M.

Ông Võ Tân P, bà Lê Thị Như M, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim T được liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phân diện tích đất 1,58m² mà nguyên đơn đã rút.

2. Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim T hoàn trả cho ông Võ Tân P, bà Lê Thị Như M số tiền 4.890.920 đồng (*Bốn triệu tám trăm chín mươi nghìn chín trăm hai mươi đồng*).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Tân P, bà Lê Thị Như M được nhận lại số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007842 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 10-An Giang.

- Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.625.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*)

3.2. Về án phí phúc thẩm: Ông Võ Tân P là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số , ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*** Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Tòa Dân sự;
- VKSND tỉnh AG;
- Phòng GDKT, TT&THA;
- TAND Khu vực 10-An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 10-An Giang;
- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại TP.HCM;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Ngọc Thúy

